SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Số: 841./QĐ/TGĐ-MXV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thay đổi biên độ giá giao dịch của Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ Nghị định số 302/2026/NĐ-CP ngày 01/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Căn cứ Bộ quy định về niêm yết và giao dịch hàng hóa, Quy chế niêm yết và giao dịch Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi biên độ giá giao dịch Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam theo Phụ Lục 1 đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **02/11/2026** và thay thế Quyết định số: 432/QĐ/TGĐ-MXV ngày 29/4/2026.

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: Khối QLGD, HC./.*

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

C.T.C.P-G.P.T.L:4596/QĐ-BCT
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM
M.S.D.N:0310140180

Dương Đức Quang

PHỤ LỤC 01

BIÊN ĐỘ GIÁ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 891 /QĐ/TGĐ-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 02 tháng 11 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa có liên thông	Biên độ giá
1	Ngô	ZCE	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.35/giạ Giới hạn giá mở rộng (2) $0.55/giạ
2	Ngô mini	XC	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.35/giạ Giới hạn giá mở rộng (2) $0.55/giạ
3	Ngô micro	MZC	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.35/giạ Giới hạn giá mở rộng (2) $0.55/giạ
4	Đậu tương (3)	ZSE	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.90/giạ Giới hạn giá mở rộng (2) $1.35/giạ
5	Đậu tương mini (3)	XB	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.90/giạ Giới hạn giá mở rộng (2) $1.35/giạ
6	Đậu tương micro (3)	MZS	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.90/giạ Giới hạn giá mở rộng (2) $1.35/giạ
7	Dầu đậu tương (3)	ZLE	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.050/pound Giới hạn giá mở rộng (2) $0.075/pound
8	Dầu đậu tương micro (3)	MZL	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $0.050/pound Giới hạn giá mở rộng (2) $0.075/pound
9	Khô đậu tương (3)	ZME	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $25/tấn Giới hạn giá mở rộng (2) $40/tấn
10	Khô đậu tương micro (3)	MZM	Nông sản	CBOT (4)	Giới hạn giá ban đầu (1) $25/tấn Giới hạn giá mở rộng (2) $40/tấn

11	**Lúa mỳ**	**ZWA**	**Nông sản**	**CBOT** [4]	**Giới hạn giá ban đầu** [1] **$0.55/giạ** **Giới hạn giá mở rộng** [2] **$0.85/giạ**		
12	**Lúa mỳ mini**	**XW**	**Nông sản**	**CBOT** [4]	**Giới hạn giá ban đầu** [1] **$0.55/giạ** **Giới hạn giá mở rộng** [2] **$0.85/giạ**		
13	**Lúa mỳ micro**	**MZW**	**Nông sản**	**CBOT** [4]	**Giới hạn giá ban đầu** [1] **$0.55/giạ** **Giới hạn giá mở rộng** [2] **$0.85/giạ**		
14	**Lúa mỳ Kansas**	**KWE**	**Nông sản**	**CBOT** [4]	**Giới hạn giá ban đầu** [1] **$0.55/giạ** **Giới hạn giá mở rộng** [2] **$0.85/giạ**		
15	Dầu cọ thô	MPO	Nguyên liệu công nghiệp	BMDX	10% giá thanh toán [5]		
16	Cao su TSR 20	ZFT	Nguyên liệu công nghiệp	SGX	10% giá thanh toán [6]		
17	Cà phê Arabica	KCE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	Không quy định [7]		
18	Ca cao	CCE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	Không quy định [7]		
19	Đường 11	SBE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	Không quy định [7]		
20	Bông	CTE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	Giới hạn giá hàng ngày dao động từ 3 đến 7 cent/pound		
21	Cà phê Robusta	LRC	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	Không quy định [7]		
22	Đường trắng	QW	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	Không quy định [7]		
23	Cao su RSS3	TRU	Nguyên liệu công nghiệp	OSE	10% giá thanh toán		
24	Quặng sắt	FEF	Kim loại	SGX	Không quy định		
25	Bạc Nano ACM [8]	SI5CO	Kim loại	ACM	Mức 1	Mức 2	Mức 3
					20%	25%	50%
26	Bạch kim Nano ACM [8]	PL1NY	Kim loại	ACM	Mức 1	Mức 2	Mức 3
					20%	25%	50%
27	Đồng Nano ACM [8]	CP2CO	Kim loại	ACM	Mức 1	Mức 2	Mức 3
					20%	25%	50%
28	Bạc	SIE	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán [9]		
29	Bạc mini	MQI	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán [9]		

30	Bạc micro	SIL	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán (9)
31	Đồng	CPE	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán (9)
32	Đồng mini	MQC	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán (9)
33	Đồng micro	MHG	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán (9)
34	Nhôm COMEX	ALI	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán (9)
35	Bạch kim	PLE	Kim loại	NYMEX	10% giá thanh toán (9)
36	Đồng LME	LDKZ / CAD	Kim loại	LME	12% giá đóng cửa (10)
37	Nhôm LME	LALZ / AHD	Kim loại	LME	12% giá đóng cửa (10)
38	**Chì LME**	**LEDZ / PBD**	**Kim loại**	**LME**	**12% giá đóng cửa (10)**
39	Thiếc LME	LTIZ / SND	Kim loại	LME	15% giá đóng cửa (10)
40	**Kẽm LME**	**LZHZ / ZDS**	**Kim loại**	**LME**	**12% giá đóng cửa (10)**
41	Niken LME	LNIZ / NID	Kim loại	LME	15% giá đóng cửa (10)
42	Thép thanh vằn FOB Thổ Nhĩ Kỳ	SSR	Kim loại	LME	Không quy định
43	Thép phế liệu CFR Thổ Nhĩ Kỳ	SSC	Kim loại	LME	Không quy định
44	Thép cuộn cán nóng FOB Trung Quốc	LHC	Kim loại	LME	Không quy định

(1) Giới hạn giá ban đầu: là mức biên độ giá được áp dụng hàng ngày cho các sản phẩm.

(2) Giới hạn giá mở rộng: là mức biên độ giá được áp dụng cho phiên giao dịch kế tiếp, khi giá thanh toán phiên giao dịch hiện tại của ít nhất 01 tháng kỳ hạn trong giai đoạn 01 năm tiếp theo (kể từ tháng hiện tại) chạm mức giới hạn giá ban đầu.

Giới hạn giá mở rộng sẽ được tiếp tục duy trì cho đến khi không có tháng kỳ hạn nào có giá thanh toán bằng hoặc lớn hơn mức giới hạn giá ban đầu.

Trường hợp khi có 02 phiên giao dịch liên tiếp được áp dụng ở mức giới hạn giá mở rộng, trong phiên giao dịch tiếp theo mức giới hạn giá ban đầu mới sẽ bằng mức giới hạn giá mở rộng hiện tại và mức giới hạn giá mở rộng mới sẽ bằng 1,5 lần giới hạn giá mở rộng hiện tại. Các mức giới hạn giá ban đầu, giới hạn giá mở rộng mới sẽ được áp dụng cho đến kỳ điều chỉnh giới hạn giá định kỳ tiếp theo.

(3) Trường hợp biên độ giá của 01 trong 07 sản phẩm thuộc nhóm Đậu tương đủ điều kiện để áp dụng mức giới hạn giá mở rộng, thì biên độ giá của cả 07 sản phẩm cũng đều sẽ được áp dụng theo mức giới hạn giá mở rộng. Giới hạn giá mở rộng sẽ được tiếp tục duy trì cho tới khi không có tháng kỳ hạn nào của 01 trong 07 sản phẩm có giá thanh toán bằng hoặc lớn hơn mức giới hạn giá ban đầu.

Trường hợp biên độ giá của 01 trong 07 sản phẩm thuộc nhóm Đậu tương đủ điều kiện để áp dụng mức giới hạn giá ban đầu mới và giới hạn giá mở rộng mới, thì biên độ giá của cả 07 sản phẩm cũng đều sẽ được áp dụng theo mức giới hạn giá ban đầu mới và giới hạn giá mở rộng mới.

(4) Hợp đồng tháng hiện tại của các sản phẩm thuộc Sở Giao dịch Chicago (CBOT) sẽ không có biên độ giá kể từ ngày làm việc thứ hai trước ngày đầu tiên của tháng giao nhận.

(5) Ngoại trừ hợp đồng của tháng hiện tại, khi giá thị trường chạm mức 10% so với giá thanh toán phiên trước, Sở Giao dịch hàng hóa sẽ ra thông báo thị trường chuyển sang giai đoạn giám sát trong vòng 10 phút. Trong khoảng thời gian này giao dịch vẫn diễn ra bình thường nhưng chỉ trong giới hạn 10% so với giá thanh toán phiên trước. Tiếp sau giai đoạn giám sát thị trường sẽ tạm nghỉ trong khoảng thời gian 05 phút. Sau đó biên độ giá các hợp đồng sẽ được mở rộng lên mức 15% so với giá thanh toán phiên trước và các giao dịch không được vượt quá biên độ mới này. Nếu mức giới hạn 10% được kích hoạt trong vòng 30 phút trước khi kết thúc phiên 1, thì mức 10% sẽ áp dụng cho tất cả các tháng hợp đồng trong suốt thời gian còn lại của phiên 1, và mức giới hạn 15% sẽ áp dụng cho tất cả các tháng hợp đồng trong suốt phiên 2. Nếu mức giới hạn 10% được kích hoạt trong vòng 30 phút trước khi kết thúc phiên 2, thì mức 10% sẽ áp dụng cho tất cả các tháng hợp đồng trong suốt thời gian còn lại của phiên 2. Nếu mức giới hạn 10% được kích hoạt trong vòng 30 phút trước khi kết thúc phiên 3, thì mức 10% sẽ áp dụng cho tất cả các tháng hợp đồng (ngoại trừ tháng hiện tại) trong suốt thời gian còn lại của phiên 3, và mức giới hạn 15% sẽ áp dụng cho tất cả các tháng hợp đồng (ngoại trừ tháng hiện tại) cho các phiên 1 và phiên 2 của ngày giao dịch tiếp theo

(6) Trường hợp bất kỳ một tháng hợp đồng nào có giá chạm mức ± 10% so với giá thanh toán của phiên hôm trước, thị trường sẽ kích hoạt khoảng thời gian hạ nhiệt (Cooling Off Period) trong vòng 15 phút, trong khoảng thời gian này giao dịch chỉ có thể diễn ra trong khoảng Biên độ giá trên và Biên độ giá dưới của hợp đồng. Sau khi khoảng thời gian hạ nhiệt kết thúc, sẽ không có giới hạn giá nào được áp dụng cho phần còn lại của phiên giao dịch.
Không có giới hạn giá nào được áp dụng vào ngày giao dịch cuối cùng của một hợp đồng.

(7) Các sản phẩm thuộc Sở Giao dịch hàng hóa ICE EU, ICE US, ICE SG (Sở Giao dịch hàng hóa ICE) không quy định mức biên độ giá giao dịch cụ thể (trừ Bông). Theo cơ chế bảo vệ thị trường, trong trường hợp nhận thấy có những rủi ro nhất định Sở Giao dịch hàng hóa ICE sẽ áp dụng mức biên độ giá phù hợp với điều kiện thị trường tại thời điểm đó mà không có thông báo trước.

(8) Đối với các sản phẩm thuộc Sở Giao dịch hàng hóa ACM (ACM), khi giá thị trường chạm mức giới hạn, chu kỳ tạm ngừng giao dịch trong vòng 3 phút sẽ được kích hoạt, cụ thể:

- Giai đoạn 1 phút đầu tiên, thị trường ở trạng thái "Tạm dừng (Paused)". Trong giai đoạn này, thị trường ngừng thực hiện khớp lệnh, không cho phép đặt lệnh mới và chỉnh sửa lệnh; chỉ cho phép hủy lệnh.

- Giai đoạn 1 phút tiếp theo, thị trường ở trạng thái "Pre-open". Trong giai đoạn này, cho phép đặt các lệnh Giới hạn, Dừng, Dừng giới hạn với hiệu lực lệnh GTC (Good Till Cancelled) và GTD (Good Till Day); đồng thời cho phép hủy và chỉnh sửa lệnh; chưa thực hiện khớp lệnh. Các lệnh Thị trường, FOK (Fill or Kill) và IOC (Immediate or Cancel) không được chấp nhận.

- Giai đoạn 1 phút cuối cùng, thị trường ở trạng thái "Pre-open No Cancel". Trong giai đoạn này, cho phép đặt các lệnh Giới hạn, Dừng, Dừng giới hạn với hiệu lực lệnh DAY (trong ngày) và GTC (Good Till Cancelled); không cho phép hủy hoặc chỉnh sửa lệnh. Các lệnh Thị trường, FOK, IOC không được chấp nhận.

Kết thúc chu kỳ, thị trường mở cửa giao dịch trở lại theo nguyên tắc ưu tiên giá – thời gian, ACM không tính toán hoặc công bố giá mở cửa.

Trong trường hợp giá thị trường chạm mức giới hạn trong vòng 3 phút trước khi đóng cửa phiên giao dịch, thị trường sẽ không mở cửa trở lại.

Sau chu kỳ tạm ngừng giao dịch biên độ giá của sản phẩm sẽ được mở rộng lên mức tiếp theo.

Giá giao dịch của sản phẩm sẽ không được vượt quá ±30% so với giá thanh toán phiên liền trước.

(9) Các sản phẩm Kim loại thuộc Sở Giao dịch hàng hóa COMEX, NYMEX có biên độ giá được xác định theo cơ chế ngắt mạch động (Dynamic Circuit Breakers), phạm vi biến động giá được tính toán lại liên tục trong khoảng thời gian 60 phút. Nếu thị trường biến động ± 10% trong khoảng thời gian đó thì sẽ kích hoạt một giai đoạn tạm ngừng giao dịch trong vòng 2 phút.

(10) Theo cơ chế bảo vệ thị trường, Sở Giao dịch hàng hóa LME sẽ áp dụng một biên độ giá động dựa theo mức giá của thị trường nhằm mục đích ngăn các mức giá đặt chờ mua/bán cách quá xa với mức giá hiện tại.